

Số: /BC-STC

Kiên Giang, ngày tháng 12 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Công tác cải cách hành chính năm 2023**

Thực hiện Công văn số 331/SNV-CCHC&TCPCP ngày 10/3/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thời gian ban hành các kế hoạch và báo cáo cải cách hành chính định kỳ; Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 07/7/2023 của UBND tỉnh về nâng cao chất lượng và hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2023; Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh cải thiện và nâng cao các Chỉ số: Cải cách hành chính (Par Index), HÀi lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Xanh cấp tỉnh (PGI) và Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Sở Tài chính báo cáo công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2023 và chương trình công tác cuối năm 2023 như sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

##### **1. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính.**

- Bám sát kế hoạch 272/KH-UBND ngày 23/12/2022 về công tác cải cách hành chính năm 2023 và các văn bản chỉ đạo về CCHC của tỉnh, Sở đã ban hành 28 văn bản chỉ đạo đối với công tác CCHC.

*(Chi tiết từng văn bản tại Phụ lục 2 kèm theo báo cáo này)*

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh về việc Cải thiện và nâng cao các Chỉ số: Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); Cải cách hành chính (PAR INDEX); Hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) và sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 24/8/2023 của UBND tỉnh cải thiện và nâng cao các Chỉ số: Cải cách hành chính (Par Index), HÀi lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Xanh cấp tỉnh (PGI) và Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 23/02/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Kế hoạch thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh

Kiên Giang; Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh công tác cải cách hành chính năm 2023.

- Sở Tài chính đã triển khai thực hiện tự đánh giá kết quả CCHC năm 2023 theo Công văn số 1137/SNV-CCHC&TCPCP ngày 21/7/2023 của Sở Nội vụ; công văn số 1194/SNV-CCHC&TCPCP ngày 28/7/2023 của Sở Nội vụ về việc điều chỉnh tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực 5, cải cách chế độ công vụ Phụ lục 1, Phụ lục 2 theo hướng dẫn tại Công văn số 1137/SNV-CCHC&TCPCP ngày 21/7/2023 về việc hướng dẫn đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đánh giá, xếp loại kết quả công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Kiên Giang).

- Triển khai thực hiện tự đánh giá kết quả CCHC năm 2022 của tỉnh – lĩnh vực cải cách tài chính công theo Quyết định số 876/QĐ-BNV của Bộ Nội vụ ngày 10/11/2022 và kết quả đạt được 9,003/12 điểm (tăng 0,76 điểm so với năm 2021), xếp vị trí 53/63 tỉnh thành cả nước, tăng 10 bậc so với năm 2021.

- Triển khai thực hiện tự đánh giá kết quả công tác CCHC năm 2022 theo Quyết định 428/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 15/02/2022 và Quyết định 720/QĐ-UBND ngày 16/3/2022, kết quả Sở Tài chính đạt 92,18/100 điểm, xếp loại xuất sắc (theo Quyết định 1342/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về Công bố kết quả xếp loại thực hiện công tác cải cách hành chính của các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện năm 2022).

- Cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ và trực tiếp giải quyết hồ sơ tại cơ quan, đơn vị, địa phương có năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ, giải quyết hồ sơ; đã được tập huấn và sử dụng thành thạo các phần mềm của bộ, ngành trung ương, của tỉnh đã triển khai thực hiện:

+ Công chức tiếp nhận hồ sơ: Sở Tài chính tổ chức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; Sở hợp đồng thuê nhân viên Bưu điện tỉnh trực tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC.

+ Công chức đầu mối làm nhiệm vụ kiểm soát TTHC, chế độ cho cán bộ, công chức đầu mối làm nhiệm vụ, kiểm soát TTHC; cơ sở vật chất, trang thiết bị, chính sách hỗ trợ, đãi ngộ cho công chức làm công tác giải quyết thủ tục hành chính theo Công văn số 1563/STC-VP ngày 14/7/2023 về việc thiết lập công chức đầu mối thực hiện công tác kiểm soát TTHC (Ông Nguyễn Quốc khởi PGĐ, Ông Nguyễn Tấn Dương C.VP). UBND tỉnh chưa có ý kiến hoặc Quyết định thay thế Quyết định 1993/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 (Ông Nguyễn Quốc khởi PGĐ, Ông Phạm Văn Trung P.VP). Đồng thời, Sở Tài chính đã bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị đầy đủ và bố trí riêng một máy tính và chính sách hỗ trợ, đãi ngộ cho công chức theo Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 22/01/2015

về quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động kiểm soát và được bố trí trong dự toán được giao hằng năm.

+ Công chức trực tiếp giải quyết hồ sơ TTHC tại Sở Tài chính bao gồm 09 công chức, trong đó mới có 06 công chức đã qua tập huấn sử dụng các phần mềm của bộ, ngành, tỉnh triển khai, số công chức chưa được tập huấn là những công chức phụ trách giải quyết các TTHC chưa từng phát sinh hồ sơ từ khi ban hành đến nay; công chức trực tiếp tham gia giải quyết TTHC đều có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, có tinh thần trách nhiệm với công được giao.

+ Công chức đã tập huấn trực tuyến về công tác cải cách hành chính theo công văn số 1895/SNV-CCHC&TCPCP ngày 07/11/2023 là 6 công chức.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất đúng thời gian quy định, chưa để xảy ra trường hợp gửi báo cáo trễ hạn.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế một cửa theo đúng quy trình, xem xét cập nhật thông tin để sửa đổi, thay thế các thủ tục cho phù hợp các quy định mới.

- Đôn đốc các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao tự chủ trong năm 2023 khẩn trương xây dựng phương án tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP cho giai đoạn 2023-2025. Sở Tài chính ban hành các Công Văn số 392/STC-QLNS ngày 22/02/2023 về việc báo cáo định kỳ tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP hằng quý, năm theo quy định; Công văn số 87/STC-TCHCSN ngày 13/01/2022 về việc dự thảo văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ; Công văn số 611/STC-TCHCSN ngày 31/3/2022 và UBND tỉnh đã có ý kiến tại Công văn số 2584/VP-KT về việc khẩn trương tham mưu ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập sử dụng ngân sách nhà nước.

## **2. Về tiến độ thực hiện Kế hoạch CCHC năm.**

- Tiến độ thực hiện Kế hoạch số 07/KH-STC ngày 18/01/2023 về cải cách hành chính năm 2023: tổng số nhiệm vụ đặt ra là 33 nhiệm vụ, tính 14/12/2023 thực hiện hoàn thành 32/33 nhiệm vụ trong kế hoạch, đạt 96,97%. (còn 01 nhiệm vụ chưa thực hiện hoàn thành: Báo cáo rà soát văn bản QPPL chưa đến thời hạn báo cáo).

*(Chi tiết từng nhiệm vụ tại phụ lục 4 kèm theo báo cáo này)*

- Tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao tại Phụ lục của Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh về công tác cải cách hành chính năm 2023: tổng số nhiệm vụ được giao 04 nhiệm vụ trong đó có 04 nhiệm vụ đã hoàn thành đạt 100% Sở không trực tiếp thực hiện, chỉ phối hợp với các sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện, xã.

*(Chi tiết từng nhiệm vụ tại phụ lục 3 kèm theo báo cáo này)*

### **3. Về công tác kiểm tra CCHC.**

- Thực hiện Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023, Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch số 29/KH-STC ngày 22/02/2023 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023.

- Tổ chức kiểm tra đột xuất: Không.

- Giám đốc Sở Tài chính đã chỉ đạo các phòng chuyên môn có liên quan phối hợp khẩn trương rà soát bổ sung thông tin để hoàn thành các nội dung báo cáo năm 2023: Sở Tài chính đã lồng ghép các nội dung trong tiến hành tự kiểm tra công tác CCHC năm 2023, tự kiểm tra kiểm soát TTHC, tự kiểm tra đánh giá nội bộ ISO, họp xét lãnh đạo năm 2023 cùng với việc kiểm tra phối hợp 6/6 phòng thuộc Sở theo Kế hoạch: Sở Tài chính đã đánh giá nội bộ ISO, họp xem xét lãnh đạo theo Thông báo số 71/TB-STC ngày 09/11/2023 và Biên bản số 10/11/2023 họp xét lãnh đạo ISO 2023. Đồng thời, Sở Tài chính đã Báo cáo 281/BC-STC ngày 30/10/2023 Đoàn kiểm tra về hoạt động xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTCL QL ISO 2023.

- Kết quả, tiến độ xử lý, đề ra giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập sau kiểm tra, thực hiện phúc tra Sở Tài chính đạt 100%: Tại Báo cáo số 188/BC-STC ngày 27/7/2023 của Sở Tài chính kết quả chỉ đạo, khắc phục sau kiểm tra cải cách hành chính năm 2022 và Báo cáo 143/BC-STC ngày 15/6/2023 của Sở Tài chính công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023; Báo cáo số 253/BC-STC ngày 02/10/2023 phục vụ Đoàn kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2023 theo Kế hoạch số 184/KH-ĐKT ngày 19/7/2023 và Kế hoạch 185/KH-ĐKT ngày 19/7/2023 của Đoàn Kiểm tra kiểm tra kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2023. Đến ngày 09/11/2023 Sở Tài chính nhận được Thông báo số 2369 /TB-ĐKT ngày 09/11/2023 của Đoàn kiểm tra về kết quả khắc phục công tác CCHC năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023 thì Sở Tài chính đã khắc phục sau kiểm tra CCHC năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023.

### **4. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC.**

- Công tác tuyên truyền hiện nay chủ yếu thông qua trang thông tin điện tử của Sở Tài chính, trang Văn phòng điện tử của cơ quan, qua nhóm Zalo công chức toàn cơ quan và lồng ghép vào các cuộc họp của từng phòng chuyên môn và các buổi học tập trung toàn cơ quan nhằm nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của cán bộ, công chức về công tác cải cách thủ tục hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính, kết hợp với việc cải tiến và hoàn thiện các quy trình của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 vào công tác quản lý và điều hành của cơ quan nhằm đạt được hiệu quả ngày càng cao hơn. Hoạt động của Trang thông tin điện tử Sở ngày càng có nhiều thông tin phong phú, giúp tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và phục vụ người dân, phổ biến kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật, thông tin hoạt động của ngành, trong đó các quyết định, quy định, quy trình và TTHC trên các lĩnh

vực hoạt động của Sở, được duy trì hoạt động thường xuyên và luôn cập nhật thông tin mới.

- Số lượng các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về CCHC đã thực hiện trong cuối năm 2023 (nội dung, hình thức và kết quả thực hiện; nêu rõ số lượng các tin, bài viết, phóng sự đã thực hiện) và có bố trí tin, bài theo Điều 4, Nghị định 42/2022/NĐ-CP: có tổng cộng 98 tin, bài, chiếm tỷ lệ 92,4% so với chỉ tiêu (Hợp tác trong Chuyển đổi số, Sở Tài chính xếp loại xuất sắc trong công tác cải cách hành chính năm 2022)

### **5. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.**

- Tổng số nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao: 1.227 nhiệm vụ. Trong đó:

+ Số nhiệm vụ hoàn thành: 989 (Đúng hạn: 978; quá hạn: 11, chiếm 1,11%).

+ Số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 238 (Trong hạn: 233; quá hạn: 5, chiếm 2,1%).

- Tổng số nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng, các Bộ ngành giao: 274 nhiệm vụ. Trong đó:

+ Số nhiệm vụ hoàn thành: 193 (Đúng hạn: 187; quá hạn: 6, chiếm 3,108%).

+ Số nhiệm vụ chưa hoàn thành: 81 (Trong hạn: 81; quá hạn: 0).

Nguyên nhân quá hạn: một số văn bản do nhận được quá cận ngày hết hạn nên không kịp xử lý, một số ít văn bản có tính phức tạp cần có thời gian nghiên cứu thận trọng mới có thể đề xuất ý kiến tham mưu; một số nội dung văn bản cần có sự phối hợp của các sở, ngành tuy nhiên thời gian chỉ đạo xử lý rất hạn chế (2-3 ngày/việc).

### **6. Về mô hình, sáng kiến trong CCHC.**

Sở Tài chính chưa có mô hình, sáng kiến CCHC nào được công nhận. Tuy nhiên, Sở Tài chính đã thực nội dung có liên quan trong công tác CCHC được Sở Tài chính phê duyệt theo Quyết định 489/QĐ-STC ngày 29/12/2022.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế.**

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL): Tính đến ngày 14/12/2023, Sở Tài chính đã tham mưu trình HĐND, UBND tỉnh ban hành 07 văn bản quy phạm pháp luật (Nghị quyết 03/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023; Nghị quyết 05/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023; Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023; Nghị quyết 14/2023/NQ-HĐND ngày 13/11/2023; Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/3/2023; Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày

24/5/2023; Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 bãi bỏ khoản 4 Điều 2 Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh).

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi thi hành pháp luật: ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 20/KH-STC ngày 14/02/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật được triển khai thực hiện bám sát kế hoạch đề ra. Sở Tài chính đã thực hiện báo cáo công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023 gửi Sở Tư pháp (Báo cáo số 319/BC-STC ngày 27/11/2023).

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: thực hiện lồng ghép việc tuyên truyền cải cách hành chính với việc tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật của Trung ương và địa phương liên quan đặc biệt là đẩy mạnh tuyên truyền về nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử, thực hiện chuyển đổi số...

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật:

+ Sở Tài chính đang thực hiện kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do Sở Tài chính tham mưu năm 2023 theo Kế hoạch số 258/KH-UBND ngày 14/12/2023 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 47/KH-STC ngày 10/4/2023 của Sở Tài chính và Kế hoạch số 07/KH-STC ngày 18/01/2023 của Sở Tài chính về số liệu báo cáo kể từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 và Báo cáo hoàn thành vào tháng 01 năm 2024.

+ Thực hiện Kết luận số 516/KL-KTrVB ngày 14/6/2023 của Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo địa bàn tại tỉnh Kiên Giang và Công văn số 1151/UBND-NC ngày 22/6/2023 của UBND tỉnh về việc khẩn trương tham mưu UBND tỉnh xử lý văn bản trái pháp luật, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 bãi bỏ khoản 4 Điều 2 Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Kiên Giang năm 2023 để xử lý văn bản trái pháp luật theo Kết luận số 516/KL-KTrVB ngày 14/6/2023 của Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp.

- Tham gia góp ý dự thảo VBQPPL của HĐND, UBND tỉnh do các sở, ban, ngành gửi đến (Nêu cụ thể số lượng, tên loại và tên gọi của dự thảo): Sở Tài chính đã tham mưu góp ý các công văn: 223/STC-QLNS ngày 31/01/2023 ý kiến về dự thảo Thông tư chấm dứt hiện lực Thông tư 219/2009/TT-BTC quy định một số định mức cho các dự án /chương trình mục tiêu vốn ODA; 407/STC-QLNS ngày 24/02/2023 ý kiến về dự thảo Thông tư ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN lĩnh vực lưu trữ; 26/STC-VP ngày 16/01/2023 góp ý dự thảo Thông tư Thanh tra Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra cấp tỉnh, cấp huyện; 224/STC-QLNS ngày 21/01/2023 góp ý dự thảo Công văn của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh; 554/STC-TTr ngày 20/3/2023 góp ý dự thảo Nghị định hướng dẫn Luật Thanh tra; 919/STC-VP

ngày 27/4/2023 góp ý dự thảo Tờ trình và Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều quy định về xét, công nhận sáng kiến; 1130/STC-TCHCSN ngày 25/5/2023 góp ý dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 113/2014/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật; 970/STC-TCHCSN ngày 04/5/2023 góp ý dự thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư số 19/2003/TT-BTC về điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ và quản lý cổ phiếu quỹ trong công ty cổ phần; 946/STC-TCHCSN ngày 17/4/2023 góp ý dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 202/2016/TT-BTC về chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm; 1144/STC-TCHCSN ngày 25/5/2023 góp ý dự thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư số 26/2018/TT-BTC ngày 21/3/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020; 1248/STC-TCHCSN ngày 01/6/2023 góp ý dự thảo Nghị quyết quy định hỗ trợ tiền thưởng, tiền thù lao cho chuyên gia, giảng viên, giáo viên, sinh viên, học sinh, học viên đạt thành tích cao trong giảng dạy và học tập; 555/STC-TTr ngày 20/3/2023 ý kiến về dự thảo Nghị định về thanh tra chuyên ngành; 604/STC-QLGCS ngày 24/3/2023 góp ý kiến về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017; 1086/STC-QLNS ngày 19/05/2023 ý kiến về dự thảo Quyết định bổ sung một số điều về quy định quản lý công chức cấp xã; 1116/STC-QLGCS ngày 23/5/2023 góp ý kiến về dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; 1172/STC-QLNS ngày 29/05/2023 ý kiến về dự thảo Quyết định của UBND tỉnh quy định trình tự, thủ tục xác định giá đất; 1344/STC-QLGCS ngày 14/6/2023 góp ý kiến về dự thảo Thông tư của BTC quy định chế độ trong hoạt động đấu giá tài sản thay thế thế Thông tư 48/2017/TT-BTC lần 2; 1253/STC-QLNS ngày 01/6/2023 ý kiến về dự thảo Thông tư hướng dẫn điều chỉnh mức trợ cấp cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc; Công văn số 2008/STC-VP ngày 31/8/2023 Góp ý dự Thảo thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật chính lý lưu trữ tài liệu trên giấy; ông văn số 2134/STC-VP ngày 18/9/2023 Góp ý dự thảo Thông tư hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục; Công văn số 2193/STC-TCHCSN ngày 25/9/2023 góp ý hồ sơ đề nghị xây dựng Luật thay thế Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp; Công văn số 1635/STC-QLGCS ngày 19/7/2023 góp ý dự thảo Nghị quyết của CP sửa Nghị quyết 01/NQ-CP; dự thảo Quyết định của TTCP sửa Quyết định 01/2023/QĐ-TTg; Công văn số 2297/STC-QLGCS ngày 03/10/2023 góp ý kiến dự thảo Quyết định của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Công văn số 2290/STC-VP ngày 01/10/2023 góp ý dự thảo Kế hoạch phát động phong trào “Toàn dân tham gia phát hiện, cung cấp các thông tin, hình ảnh phản ánh vi phạm về TTATGT cho lực lượng CSGT để xử lý theo quy định của pháp luật”; Công văn số 2399/STC-VP ngày 16/10/2023 góp ý dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang về ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Công văn số 2374/STC-QLGCS ngày 11/10/2023 góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản

công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác (lần 3); Công văn số 2400/STC-VP ngày 17/10/2023 góp ý danh mục và thời gian định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với CC, VC tại cơ quan tài chính; Công văn số 2517/STC-VP ngày 01/11/2023 góp ý kiến đối với dự thảo hồ sơ dự án Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi); Công văn số 2612/STC-TCHCSN ngày 03/11/2023 góp ý kiến dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về việc đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn thị trấn Thứ Ba, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; Công văn số 2789 /STC-QLGCS ngày 20/11/2023 góp ý kiến thực hiện Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của UBND tỉnh; Công văn 2908/STC-VP ngày 30/11/2023 góp ý dự thảo Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Công văn số 2825/STC-TCHCSN ngày 22/11/2023 góp ý dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức trợ cấp đặc thù đối với người làm việc tại Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang; Công văn số 2945/STC-QLGCS ngày 06/12/2023 góp ý dự thảo Nghị định quy định chi tiết về thực hiện Luật Giá; Công văn số 2977/STC-QLNS ngày 08/12/2023 góp ý dự thảo Quyết định ban hành Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Tham mưu xử lý VBQPPL trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị: Sở Tài chính không có VBQPPL trái pháp luật.

- Số VBQPPL của HĐND và UBND tỉnh đã thực hiện rà soát tính đến ngày 14/12/2023: Sở Tài chính đã thực hiện rà soát và phát hiện Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang Ban hành bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (Sở Tài chính chủ trì soạn thảo) có dấu hiệu trái pháp luật gửi kèm theo thông báo số 429/KTrVB-VP ngày 24/5/2023 của Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật – Bộ Tư pháp, qua buổi làm việc với Sở Tư pháp, Sở Tài chính đã giải trình 01 nội dung và tiếp thu 02 nội dung (Biên bản số 1429/BB-STP ngày 01/6/2023 về Hợp xử lý kết quả kiểm tra văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành có dấu hiệu trái pháp luật).

Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý qua kết quả rà soát: Sở Tài chính 01 văn bản (Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 về bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh (Tờ trình số 39/TTr-STC ngày 06/3/2023). Số VBQPPL đã xử lý xong: Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 bãi bỏ khoản 4 Điều 2 Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh.

- Việc báo cáo công tác kiểm tra, xử lý, rà soát VBQPPL hàng năm: Sở Tài chính đã thực hiện kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL do Sở Tài chính tham mưu năm 2022, gửi Sở Tư pháp tổng hợp theo quy định tại Báo cáo số 06/BC-STC ngày 09/01/2023 công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2022.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**



- Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 05/05/2023 Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tài chính/ UBND cấp huyện áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang:

Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền được thực hiện theo cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông là 03 lĩnh vực, 27 thủ tục (thuộc các lĩnh vực: Tài chính doanh nghiệp 02, Quản lý giá 02, Quản lý Công sản 22, Tin học – Thống kê 01). Trong đó có 19 TTHC liên thông với Văn phòng UBND tỉnh (thuộc các lĩnh vực: Tài chính doanh nghiệp 02, Quản lý giá 01, Quản lý Công sản 16).

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: Qua rà soát, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh công bố mới 01 TTHC và bãi bỏ 17 TTHC và đã chuẩn hóa dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4 thành toàn trình và một phần theo Nghị định 42/2022, văn bản có liên quan đến CCHC, chuyển đổi số: 11 thủ tục hành chính toàn trình (Quyết định 2206/QĐ-UBND ngày 5/9/2023 và Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 05/05/2023; Quyết định số 2217/QĐ-UBND ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh).

- Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền được thực hiện theo cơ chế 1 cửa, 1 cửa liên thông là 03 lĩnh vực, 11 thủ tục. Trong đó: 5 TTHC lĩnh vực Quản lý công sản (Quyết định 1151/QĐ-UBND có 22 TTHC đã sửa đổi bổ sung Quyết định 2206/QĐ-UBND giảm 17 TTHC và tăng 1 TTHC mới) và 02 TTHC lĩnh vực Quản lý giá và 01 TTHC lĩnh vực Tin học – Thống kê và 02 TTHC lĩnh vực Tài chính Doanh nghiệp. Trong đó có 04 TTHC liên thông với Văn phòng UBND tỉnh (thuộc các lĩnh vực: Tài chính doanh nghiệp 02, Quản lý Công sản 02).

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận một cửa: Tiếp tục duy trì hợp đồng dịch vụ Bưu điện trực tại quầy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh, đảm bảo thời gian, chất lượng và đúng quy định.

+ Kết quả thực hiện số hóa, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: 100% TTHC được số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết.

+ Kết quả giải quyết TTHC năm 2023 (từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/12/2023).

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo: 1.033 hồ sơ; trong đó: Số kỳ trước chuyển qua: 00 hồ sơ; số tiếp nhận mới trong kỳ: 1.033 hồ sơ (tiếp nhận qua hình thức trực tuyến: 1.033 hồ sơ (trong đó 133 hồ sơ nhận qua trang DVC của tỉnh, 900 hồ sơ nhận qua trang DVC của Bộ Tài chính), trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính: 0).

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết: 1.019 hồ sơ; trong đó, giải quyết trước hạn: 138 hồ sơ; đúng hạn: 876 hồ sơ; quá hạn: 05 hồ sơ; hủy 13 hồ sơ.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết: 01 hồ sơ; trong đó, trong hạn: 01 hồ sơ, quá hạn: 00 hồ sơ.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: tính đến ngày 14/12/2023, Sở Tài chính chưa nhận được phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

Sở thực hiện việc công khai địa chỉ và thực hiện việc tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị (Địa chỉ, đường dây nóng trên bảng công khai TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và hộp thư góp ý cơ quan, Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh).

- Tổ chức triển khai thực hiện liên quan Kế hoạch hoạt động rà soát đơn giản hóa TTHC: Đầu năm 2023, Sở Tài chính có Công văn số 133/STC-VP ngày 13/01/2023 về việc đăng ký rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023, qua đó Sở Tài chính đã nêu rõ lý do không đăng ký danh mục TTHC cần rà soát trong năm 2023.

- Kết quả thăm dò ý kiến hài lòng của tổ chức, cá nhân Sở Tài chính không tổ chức thực hiện tại đơn vị, do hồ sơ được tiếp nhận và trả kết quả được thực hiện trên DVC trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Số liệu báo cáo được lấy từ kết quả thăm dò của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (thông qua Thông báo số 1291/TB-VP ngày 12/12/2023 của Văn phòng UBND tỉnh kết quả thăm dò mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với công tác giải quyết TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng UBND tỉnh năm 2023), số liệu tính từ ngày 01/12/2022 đến hết ngày 30/11/2023 lĩnh vực quản lý giá và công sản có 19/19 phiếu hài lòng.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy.**

- Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan: thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BTC ngày 28/01/2022 của Bộ Tài chính, hiện nay Sở Tài chính sắp xếp tổ chức các phòng chuyên môn theo Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang. Công chức, người lao động trong cơ quan chấp hành đảm bảo theo đúng phạm vi chức năng nhiệm vụ được phân công.

- Kết quả rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tại cơ quan: Sở Tài chính không có ĐVSNCL.

- Kết quả sắp xếp bộ máy của đơn vị theo Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2021: Hiện nay Sở Tài chính có 06 phòng chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu chức năng, nhiệm vụ theo quy định. Các phòng đều bố trí từ 08 biên chế

trở lên và không có đơn vị SNCL nên không thuộc diện rà soát, sắp xếp lại bộ máy theo Kế hoạch số 01/KH-UBND.

- Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế: Năm 2023, Sở Tài chính được HĐND tỉnh giao 70 biên chế theo Nghị Quyết số 120/NQ-HĐND ngày 29/12/2022, số biên chế hiện nay của Sở là 66 biên chế, cụ thể như sau;

+ Ban Giám đốc: 04 người (01 Giám đốc, 03 Phó Giám đốc);

+ Văn phòng Sở: 10 người (01 Chánh Văn phòng, 02 Phó chánh Văn phòng, 07 chuyên viên);

+ Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp: 10 người (01 Trưởng phòng, 01 phó trưởng phòng, 09 chuyên viên);

+ Phòng Quản lý Ngân sách: 11 người (01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng, 08 chuyên viên);

+ Phòng Tài chính Đầu tư: 08 người (01 Trưởng phòng, 02 phó trưởng phòng, 05 chuyên viên);

+ Phòng Quản lý Giá Công sản: 12 người (01 Trưởng phòng, 02 phó trưởng phòng, 09 chuyên viên);

+ Thanh tra Sở: 11 người (01 Chánh Thanh tra, 02 Phó chánh Thanh tra, 08 chuyên viên).

- Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền: Sở Tài chính thực hiện quy định theo phân cấp quản lý nhà nước giữa các cơ quan về tài chính – ngân sách.

#### **4. Cải cách chế độ công vụ.**

- Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức: Sở Tài chính ban hành Kế hoạch số 97/KH-STC ngày 15/8/2023 về Kế hoạch xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức theo hướng dẫn mới của Sở Nội vụ.

Hoàn thành việc xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của Sở Tài chính đã được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định số 3095/QĐ-UBND ngày 06/12/2023)

- Đánh giá việc sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính theo Đề án vị trí việc làm được duyệt; cơ cấu ngạch, trình độ chuyên môn, chuyên ngành đào tạo của công chức hiện có mặt tại cơ quan so với khung năng lực vị trí việc làm được cấp thẩm quyền phê duyệt: trình độ chuyên môn nghiệp vụ của công chức Sở Tài chính từ đại họ trở lên, đáp ứng theo vị trí việc làm (Đề án số 136/ĐA-STC ngày 23/11/2023 về việc làm và cơ cấu ngạch công chức).

- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức theo khung năng lực vị trí việc làm được phê duyệt: Sở Tài chính thực hiện theo Đề án vị trí việc làm và

cơ cấu ngạch, trình độ chuyên môn và đào tạo công chức đúng quy định, phù hợp với vị trí việc làm, đạt tỷ lệ 100%.

- Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức (thi tuyển, xét tuyển): Không có tuyển dụng.

- Thực hiện tiếp nhận 03 công chức chuyển công tác đến Sở Tài chính.

- Kết quả thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại công chức trong năm 2023: điều động bổ nhiệm 02 Trưởng phòng, bổ nhiệm mới 01 Trưởng phòng; bổ nhiệm lại 02 Phó Trưởng phòng.

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức: thực hiện lập danh sách 10 công chức dự thi nâng ngạch lên chuyên viên chính gửi Sở Nội vụ thẩm định.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức tại cơ quan: đội ngũ cán bộ, công chức đều chấp hành nghiêm túc các quy định, quy chế của cơ quan, trong năm không có trường hợp cán bộ, công chức vi phạm bị xử lý kỷ luật (báo cáo số 330/BC-STC ngày 05/12/2023).

- Kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức năm 2023 như sau: Sở Tài chính đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức số 103/KH-STC ngày 03/10/2022; Công văn số 936/STC-VP ngày 27/4/2023 về chiêu sinh lớp bồi dưỡng triển khai Thông tư số 56/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP (02 lớp); Công văn số 937/STC-VP ngày 27/4/2023 chiêu sinh lớp bồi dưỡng triển khai Nghị định số 32/2019/NĐ-CP; Công văn số 103/STC-VP ngày 11/9/2023 gửi các đơn vị cử công chức tham dự lớp tập huấn Hệ thống TABMIS và lớp khai thác cơ sở dữ liệu NSNN.

Kết quả thực hiện: Tổ chức mở 01 lớp tập huấn bồi dưỡng, cập nhật nâng cao kiến thức, khai thác báo cáo từ hệ thống thông tin quản lý ngân sách và kho bạc (TABMIS), tổng số học viên tham gia 60 người, đối tượng tham gia là công chức phòng Tài chính kế hoạch các huyện, thành phố và công chức Sở Tài chính. Cử công chức đi học các lớp đào tạo, bồi dưỡng: Cao cấp LLCT 02/02 người đạt 100% so với kế hoạch; Trung cấp LLCT 05/05 người đạt 100% so với kế hoạch; Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính 08/08 người đạt 100% so với kế hoạch; Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo quản lý cấp Sở 01/01 người đạt 100% so với kế hoạch; Bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo quản lý cấp phòng 05/06 người đạt 83% so với kế hoạch; Bồi dưỡng Quốc phòng an ninh 01/01 người đạt 100% so với kế hoạch; Bồi dưỡng cập nhật kiến thức cán bộ nguồn quy hoạch BCH Đảng bộ tỉnh 01 người; bồi dưỡng kỹ năng soạn thảo văn bản và thẩm định VB QPPL 02 người.

- Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước: chưa ban hành do chưa có nhu cầu.

- Kết quả thực hiện thi nâng ngạch công chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại cơ quan năm 2023: Sở Tài chính đã thực hiện có 01 biên chế thi nâng ngạch (kết quả thi đạt Công văn 5250/HĐT ngày 15/9/2023 của Bộ Nội vụ về thông báo điểm thi nâng ngạch, thăng hạng lên chuyên viên cao cấp năm 2023).

## **5. Cải cách tài chính công**

### **5.1 Đối với Sở Tài chính**

Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính – ngân sách tại cơ quan: Thực hiện Kết luận Thanh tra số 1350/KL-TTr ngày 14/12/2022 của Thanh tra Bộ Tài chính về công tác quản lý ngân sách nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Sở Tài chính đã thực hiện 258,76 triệu đồng/258,76 triệu đồng, đạt 100% theo kiến nghị, trong đó: thu hồi về ngân sách nhà nước 74,19 triệu đồng và xử lý khác về tài chính 184.57 triệu đồng.

### **5.2 Đối với lĩnh vực được giao của ngành**

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính – ngân sách:

+ Kết quả thực hiện thu ngân sách Nhà nước theo Kế hoạch được UBND tỉnh và Trung ương giao: đến ngày 07/12/2023, kết quả thực hiện tổng thu ngân sách Nhà nước là 13.169 tỷ đồng, đạt 114,3% so dự toán Trung ương (13.169 tỷ đồng/11.517 tỷ đồng), 108,1% so dự toán HĐND tỉnh giao (13.169 tỷ đồng/12.177 tỷ đồng).

- Việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát đầu tư, xử lý khó khăn vướng mắc: Sở Tài chính đang phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Công văn số 83/UBND-KT ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện công điện số 1076/CĐ-TTg về đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công năm 2022 và đầu năm 2023; Công văn số 711/UBND-KT ngày 21/4/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện công điện số 02/CĐ-BKHĐT về giải ngân và hoàn thiện các thủ tục đầu tư các dự án thuộc chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; Công văn số 737/UBND-KT ngày 25/4/2023 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTG ngày 23/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm đẩy mạnh phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, 03 chương trình MTQG năm 2023; Công văn số 1341/SHKĐT-THQHKKH ngày 18/8/2023 tham mưu UBND tỉnh rà soát kịch bản tăng trưởng kinh tế 2,5 năm còn lại của nhiệm kỳ; Công văn số 1719/UBND-KT ngày 19/9/2023 của UBND tỉnh để nhanh tiến độ triển khai các dự án; Công văn số 1802/UBND-KT ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2023; Công văn số 10521/VP-KT ngày 11/12/2023 V/v rà soát, đôn đốc thực hiện giải ngân vốn NSTW (vốn trong nước) có tỷ lệ giải ngân từ dưới 10% kế hoạch năm 2023

+ Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 08/12/2023: 4.367,708 tỷ đồng/6.685,471 tỷ đồng, đạt 65,33% so với Kế hoạch

HĐND giao; và đạt 78,25% so với kế hoạch vốn TW giao (trung ương là 4.367,708 tỷ/KH 5.581,736 tỷ).

+ Đánh giá tình hình về hoạt động triển khai thực hiện đầu tư công năm 2023 của Sở: Tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, thực hiện đồng bộ các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ giải ngân đầu tư công, đến nay đã giao chi tiết vốn đạt 100% Kế hoạch Nghị quyết HĐND tỉnh. Các sở, ngành, các cấp nghiêm túc kiểm điểm trách nhiệm nhất là vai trò của người đứng đầu, khắc phục những tồn tại, hạn chế có giải pháp cụ thể để thực hiện giải ngân đầu tư công năm 2023 đạt hiệu quả cao nhất.

- Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN:

+ Sở đã ban hành Kế hoạch số 07a/KH-STC ngày 18/01/2023 về việc đôn đốc các đơn vị tổ chức thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước từ năm 2022 trở về trước và Kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Tài chính; ngày 07/12/2022 Sở Tài chính ban hành tờ trình số 409/TTr-STC trình UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra để thực hiện kiểm tra tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang), thực hiện Quyết định 3136/QĐ-UBND từ ngày 05/01/2023 đến 12/01/2023 Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, tổng hợp kết quả kiểm tra trong báo cáo số 01/BC-ĐKTtra ngày 24/2/2023; công văn số 618/STC-TTr ngày 27/3/2023 về việc đề nghị các đơn vị có liên quan báo cáo tình hình thực hiện kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính; công văn số 714/STC-TTr ngày 07/4/2023 về việc trình ký báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đến hết niên độ ngân sách năm 2021 (báo cáo số 143/BC-UBND ngày 14/4/2023); công văn số 709/STC-TTr ngày 07/4/2023 về việc đề nghị các cơ quan, đơn vị rà soát nội dung chưa thực hiện kết luận, kiến nghị của kiểm toán nhà nước từ năm 2021 trở về trước để xây dựng kế hoạch thực hiện trình UBND tỉnh ký ban hành; Công văn số 979/STC-TTr ngày 05/5/2023 về việc trình ký báo cáo tình hình thực hiện Kết luận thanh tra số 1350/KL-TTr ngày 09/12/2022 của Thanh tra Bộ Tài chính (báo cáo số 188/BC-UBND ngày 25/5/2023); công văn số 1037/STC-TTr ngày 16/5/2023 về việc trình ký báo cáo việc rà soát các kết luận, kiến nghị của kiểm toán nhà nước còn tồn đọng kéo dài nhiều năm chưa thực hiện (báo cáo số 191/BC-UBND ngày 25/5/2023); công văn số 1270/STC-TTr ngày 05/6/2023 về việc trình ký báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đến hết niên độ ngân sách năm 2021, 2020 và năm 2019 trở về trước chưa thực hiện (báo cáo số 253/BC-UBND ngày 20/6/2023); công văn số 1291/STC-TTr ngày 6/6/2023 về việc trình ký kế hoạch thực hiện kiến nghị của kiểm toán nhà nước và Thanh tra Bộ Tài chính (kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 11/7/2023); công văn số 1292/STC-TTr ngày 6/6/2023 về việc trình ký báo cáo tình hình thực hiện kết luận kiến nghị của

Kiểm toán Nhà nước (báo cáo 306/BC-UBND ngày 18/7/2023); công văn số 1891/STC-TTr ngày 18/8/2023 về việc trình ký báo cáo kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đến hết niên độ ngân sách năm 2020, 2021 và năm 2019 trở về trước chưa thực hiện (báo cáo số 364/BC-UBND ngày 21/8/2023); công văn số 2166/STC-TTr ngày 21/9/2023 về việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Bộ Tài chính theo Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 11/7/2023; công văn số 2367/STC-TTr ngày 10/10/2023 về việc báo cáo theo Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 11/7/2023; công văn số 2779/STC-TTr ngày 20/11/2023 về việc trình ký báo cáo tình hình thực hiện Kết luận thanh tra số 1350/KL-TTr ngày 09/12/2022 của Thanh tra Bộ Tài chính; công văn số 2852/STC-TTr ngày 24/11/2023 về việc trình ký báo cáo tình hình thực hiện Kết luận kiểm toán Chuyên đề quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

+ Sở đã ban hành quyết định số 409/QĐ-STC ngày 01/12/2022 về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023 của Thanh tra Sở Tài chính; số 66/QĐ-STC ngày 28/3/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023 của Thanh tra Sở Tài chính; Quyết định số 279/QĐ-STC ngày 08/8/2023 về việc điều chỉnh kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023 của Thanh tra Sở Tài chính. Sở Tài chính đã triển khai 02 cuộc thanh tra, kết thúc thanh tra và ban hành kết luận theo quy định, thực hiện 03 cuộc kiểm tra, trong đó 01 cuộc kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh và thực hiện 09 vụ giám định tài chính, kế toán, trong đó kết thúc 08 vụ, 01 vụ đang thực hiện.

+ Sở Tài chính đã triển khai 02 cuộc thanh tra: Trường Trung cấp nghề vùng U Minh thượng và Trường Cao đẳng Kiên Giang (đã ban hành kết luận thanh tra theo đúng quy định) và 02 cuộc kiểm tra rà soát việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế năm 2022 (đã báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài chính) và kiểm tra chuyên đề công tác quản lý, sử dụng tài sản công đối với Ủy ban nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang (đã báo cáo UBND tỉnh). Cụ thể như sau:

Đối với 02 cuộc thanh tra phát hiện tổng số sai quy định phải xử lý 4.491.398.860 đồng, bao gồm cụ thể như sau: thu, chi để ngoài báo cáo quyết toán 80.751.910 đồng; thu sai quy định 2.388.382.819 đồng; kinh phí chi không thường xuyên chi sai 522.965.766 đồng; kinh phí chi thường xuyên sai quy định 109.387.100 đồng; chi nguồn thu hoạt động dịch vụ sai quy định 275.669.447 đồng; kê khai nộp thiếu thuế 640.942.027 đồng; sai về cải cách tiền lương 454.485.791 đồng; chi sai nguồn quỹ hoạt động sự nghiệp 15.645.000 đồng. Qua đó kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 1.622.781.034 đồng, xử lý khác 2.868.617.826 đồng. Về tổ chức, kiến nghị cấp có thẩm quyền kiểm điểm rút kinh nghiệm 01 tổ chức, 03 cá nhân, kiểm điểm có hình thức kỷ luật 02 cá nhân và kiểm điểm trách nhiệm 05 cá nhân.

Đối với kiểm tra chuyên ngành: Thanh tra Sở Tài chính đã tiến hành triển khai 03 cuộc kiểm tra chuyên ngành. Trong đó 02 cuộc kiểm tra theo kế hoạch

và 01 cuộc kiểm tra đột xuất. Đồng thời đã trình UBND tỉnh ban hành 03 báo cáo kết quả kiểm tra gửi Bộ Tài chính.

***Kết quả kiểm tra:***

(1) Cuộc kiểm tra tình hình thực hiện kết luận, kiến nghị của kiểm toán từ niên độ năm 2020 trở về trước. Qua kiểm tra tham mưu UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 11/7/2023 về thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước từ năm 2022 trở về trước và Kết luận của Thanh tra Bộ Tài chính

(2) Kiểm tra đối với việc rà soát trùng thẻ bảo hiểm y tế năm 2022 trên địa bàn toàn tỉnh. Qua kiểm tra đã phát hiện 70 thẻ trùng, tương ứng với số tiền ngân sách Nhà nước đã cấp trùng là 76,35 triệu đồng.

(3) Kiểm tra chuyên đề công tác quản lý, sử dụng tài sản công đối với UBND huyện Gò Quao. Qua kiểm tra phát hiện các đơn vị quản lý, sử dụng tài sản công chưa đúng quy định như: ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; kê khai, báo cáo và công khai tài sản công; việc hạch toán, kế toán tài sản công; điều chuyển tài sản công; công tác nhập liệu thông tin về tài sản công. Qua đó đã tham mưu Giám đốc sở ban hành công văn chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn toàn tỉnh.

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách (nếu có): Sở Tài chính đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các Báo cáo và Kế hoạch thực hiện các kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, cụ thể như sau:

++ Báo cáo cho Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội: Báo cáo số 143/BC-UBND ngày 14/4/2023 về việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước của tỉnh Kiên Giang.

++ Báo cáo Thanh tra Bộ Tài chính: Báo cáo số 188/BC-UBND ngày 25/5/2023 về việc thực hiện Kết luận thanh tra số 1350/KL-TTr ngày 09/12/2022 của Thanh tra Bộ Tài chính.

++ Báo cáo cho Kiểm toán Nhà nước Khu vực V: Báo cáo số 191/BC-UBND ngày 25/5/2023 về việc rà soát các Kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước còn tồn đọng kéo dài nhiều năm chưa thực hiện.

++ Báo cáo cho Kiểm toán Nhà nước Khu vực V: Báo cáo số 306/BC-UBND ngày 18/7/2023 về việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với ngân sách địa phương các năm trước của tỉnh Kiên Giang.

++ Báo cáo cho Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội: Báo cáo số 253/BC-UBND ngày 20/6/2023 về việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước của tỉnh Kiên Giang.

++ Kế hoạch thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước: Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 11/7/2023 về thực hiện kết luận, kiến nghị của



Kiểm toán Nhà nước từ năm 2022 trở về trước và kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Tài chính.

++ Báo cáo cho Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội: Báo cáo số 364/BC-UBND ngày 21/8/2023 về việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước của tỉnh Kiên Giang.

++ Báo cáo cho Kiểm toán Nhà nước Khu vực V: Báo cáo số 376/BC-UBND ngày 25/8/2023 về kết quả rà soát, phối hợp chuẩn bị phiên giải trình thực hiện kiến nghị Kiểm toán Nhà nước.

- Thực hiện Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 11/7/2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước từ năm 2022 trở về trước và kết luận thanh tra của Thanh tra Bộ Tài chính. Sở Tài chính đã ban hành công văn số 2166/STC-TTr ngày 21/9/2023 về việc thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Bộ Tài chính theo Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 11/7/2023; công văn số 2367/STC-TTr ngày 10/10/2023 về việc báo cáo theo Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 11/7/2023; công văn số 2779/STC-TTr ngày 20/11/2023 về việc trình ký báo cáo tình hình thực hiện Kết luận thanh tra số 1350/KL-TTr ngày 09/12/2022 của Thanh tra Bộ Tài chính; công văn số 2852/STC-TTr ngày 24/11/2023 về việc trình ký báo cáo tình hình thực hiện Kết luận kiểm toán Chuyên đề quản lý quy hoạch, cấp phép xây dựng tại các đô thị giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và Thanh tra Bộ Tài chính Đến thời điểm báo cáo, tỉnh đã thực hiện theo kiến nghị xử lý các khoản chênh lệch thu, chi ngân sách Nhà nước và các khoản xử lý tài chính khác của Kiểm toán Nhà nước từ năm 2015 đến năm 2022, với tổng số tiền là 4.353,933 tỷ đồng/4.529,603 tỷ đồng, đạt 96,12%. Đối với kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính năm 2016 và năm 2022 tỉnh đã thực hiện theo kiến nghị xử lý với tổng số tiền là 487,924 tỷ đồng/501,885 tỷ đồng, đạt 97,22%. Số tiền 175,671 tỷ đồng còn lại chưa xử lý theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và 13,961 tỷ đồng đối với kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo thực hiện theo kiến nghị.

- Công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

+ Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh: Tất cả cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị mình đã tham mưu ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, có đơn vị ban hành lồng ghép với quy chế chi tiêu nội bộ (Sở Tài chính đã ban hành Quyết định 120/QĐ-STC ngày 27/4/2023 ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và Quyết định 119/QĐ-STC ngày 27/4/2023 quy định về chi tiêu nội bộ).

+ Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh: Công tác kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công được lồng ghép vào các cuộc thanh tra của Sở:

Cuộc thanh tra tài chính và quản lý tài sản công đối với Trường Trung cấp nghề vùng U Minh Thượng trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Kiên Giang: qua thanh tra việc quản lý và sử dụng tài sản công, nhận thấy đơn vị có mở sổ sách theo dõi tài sản đầy đủ, có xây dựng quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, cuối năm có kiểm kê tài sản đúng theo quy định. Tuy nhiên còn một số tài sản đơn vị chưa đưa vào sổ theo dõi danh mục tại Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh Kiên Giang quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Kiên Giang; Cuộc thanh tra Trường Cao đẳng Kiên Giang: qua thanh tra nhận thấy Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe trực thuộc Trường Cao đẳng Kiên Giang được thành lập năm 2018 theo Quyết định số 67/QĐ-CĐKG ngày 24/10/2018 của Trường Cao đẳng Kiên Giang, Trung tâm có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng, là đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ tự đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên theo Quyết định số 3270/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang, nhưng đến nay trường Cao Đẳng Kiên Giang vẫn chưa trình cấp có thẩm quyền điều chuyển tài sản cho Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe quản lý và sử dụng theo Điều 21, Điều 42 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017.

+ Thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý theo NĐ 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ: tiếp tục rà soát, triển khai thực hiện phương án sắp xếp lại cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt. Sở ban hành công văn số 467/STC-QLGCS ngày 06/3/2023; Công văn 1702/STC-QLGCS ngày 26/7/2023 V/v tiếp tục khẩn trương thực hiện công tác sắp xếp lại, xử lý TS công theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/2021/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh; Ngoài ra, Sở Tài chính đang rà soát, chuẩn hóa, cập nhật số liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

*Nguyên nhân:* Thực hiện Công văn số 6536/BTC-QLCS ngày 23/6/2023 của Bộ Tài chính. Sở Tài chính đã có Công văn số 1621/STC-QLGCS ngày 18/7/2023 về việc chuẩn hóa dữ liệu trong phần mềm Quản lý tài sản công gửi các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (Báo cáo kết quả thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan), tính đến 14/9/2023:

+ Cấp huyện: có 140 Quyết định phê duyệt phương án tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP đối với 664 đơn vị sự nghiệp công lập được giao cơ chế tự chủ.

Qua cập nhật số liệu đến ngày 12/12/2023 số liệu có sự chênh lệch so với đầu năm 2023. Do hợp nhất 10 đơn vị trường học ở huyện Giồng Riềng.

---

<sup>1</sup> Hợp nhất Trường Tiểu học Hòa Lợi 2 và Trường THCS Hòa Lợi thành Trường Tiểu học và THCS Hòa Lợi; hợp nhất Trường Tiểu học Thạnh Lộc 2 và Trường THCS Nguyễn Văn Thới thành Trường Tiểu học và THCS Nguyễn Văn Thới; hợp nhất Trường Tiểu học Ngọc Chúc 3, Trường Tiểu học Ngọc Chúc 4 và Trường THCS Ngọc Chúc thành Trường Tiểu học và THCS Ngọc Chúc. Hợp nhất Trường Tiểu học Long Thạnh 3 và Trường THCS Đường Xuông thành Trường Tiểu học và THCS Long Thạnh; hợp nhất Trường Tiểu học Bàn Tân Định 3

+ Cấp tỉnh: đối với các đơn vị SNCL cấp tỉnh có 130/130 đơn vị SNCL, việc thực hiện giao cơ chế tự chủ của các đơn vị SNCL cụ thể như sau: có 108/130 đơn vị SNCL đã được giao cơ chế tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; còn 22 đơn vị đang tiếp tục xây dựng phương án tự chủ tài chính trình UBND tỉnh phê duyệt theo giai đoạn 2023-2025 theo quy định.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số.**

- Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở cơ quan:

+ Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật: Sở đã xây dựng hoàn thiện hệ thống mạng nội (LAN), được kết nối thông suốt với các hệ thống mạng có liên quan (Văn phòng UBND tỉnh, Bộ Tài chính, các phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện), có trang bị hệ thống internet có tốc độ đáp ứng nhu cầu sử dụng hiện nay.

+ Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng: có thuê đường truyền dữ liệu riêng kết nối với hệ thống Thông tin Quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS).

+ Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu: Hiện tại Sở Tài chính không có cơ sở dữ liệu riêng, các ứng dụng chuyên ngành đang sử dụng là do Bộ Tài chính cung cấp và cơ sở dữ liệu được đặt tại Cục Tin học – Bộ tài chính và Sở đã có văn bản gửi Cục Tin học để đồng bộ giữa các cơ quan từ Trung ương đến địa phương.

+ Hệ thống Văn phòng điện tử đáp ứng dụng quy trình văn bản đi, thực hiện ký số cá nhân, ký số tổ chức theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ, đang áp dụng hình thức sao y điện tử từ văn bản giấy: Sở Tài chính thực hiện trên văn phòng điện tử theo quy định.

+ Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ: không có.

+ Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp: không có.

+ Kết quả xây dựng, phát triển đô thị thông minh: Không có.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

+ Về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình:

- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3: 0 thủ tục, đạt tỷ lệ 100%;

- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3: 0 thủ tục;

- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến: 0 thủ tục.

- + Về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình:

- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình: 11 thủ tục, đạt tỷ lệ 100%;

- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình: 11 thủ tục;

- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến: 04 thủ tục.

- Tổng hồ sơ TTHC được số hóa tại khâu tiếp nhận và số hóa kết quả xử lý trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh theo tỷ lệ số hóa hồ sơ 100 %.

- Số lượng chữ ký số chuyên dùng đã được cấp, đánh giá quá trình khai thác sử dụng: 94 chữ ký số đã được cấp, trong đó: 02 chữ ký số tổ chức, 71 chữ ký số cá nhân dạng USB token, 21 chữ ký số cá nhân dạng SIM PKI. Nhìn chung các chữ ký số được sử dụng đúng mục đích, áp dụng kịp thời vào việc ký văn bản điện tử theo quy định Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ.

### **III. ĐÁNH GIÁ:**

#### **1. Mặt tích cực**

Lãnh đạo Sở quan tâm, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác CCHC tại đơn vị rất thường xuyên, định kỳ hàng tháng tại cuộc họp Đảng ủy mở rộng. Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện cải cách hành chính ở cơ quan, chủ động thực hiện các nhiệm vụ quản lý tài chính ngân sách và quản lý tài sản công góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh giao.

Việc tham mưu ban hành các văn bản QPPL liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Sở, luôn chủ động thực hiện theo quy định.

Công tác rà soát TTHC được Sở Tài chính thực hiện thường xuyên.

Về bộ máy cơ cấu tổ chức tiếp tục được rà soát, sắp xếp tinh gọn; nhận thức của cán bộ, công chức và người lao động trong việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính được nâng lên, chấp hành tốt giờ giấc, nội quy, quy chế làm việc.

Việc ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh (đối với TTHC), kết hợp qua dịch vụ công trực tuyến của tỉnh, dịch vụ bưu chính viễn thông; quy trình giải quyết TTHC được áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đã góp phần nâng cao chất lượng giải quyết công việc hành chính tại cơ quan; tạo

nhieu thuận lợi, tiết kiệm được thời gian và công sức của tổ chức, cá nhân khi có nhu cầu giải quyết về thủ tục hành chính.

## **2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:**

Các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao vẫn còn nhiệm vụ quá hạn.

Vẫn còn tình trạng hồ sơ giải quyết TTHC quá hạn (05 hồ sơ) vì do hệ thống đường truyền mạng không ổn định trễ số giờ quy định:

- H33.4-230420-0001\_Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê\_ ngày tiếp nhận 20/04/2023 07:24:21/ngày hẹn trả kết quả 06/06/2023 07:24:00/ngày kết thúc xử lý 06/06/2023 07:43:35 (tên thủ tục hành chính này đã bãi bỏ theo Quyết định 2206/QĐ-UBND ngày 5/9/2023 công bố mới 01 TTHC và bãi bỏ 17 TTHC);

- H33.4-230420-0002\_Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách\_ ngày tiếp nhận 20/04/2023 09:41:12/ngày hẹn trả kết quả 24/04/2023 09:41:00/ngày kết thúc xử lý 24/04/2023 15:37:08 (Phiếu xin lỗi số 01/PXL-STC ngày 24/04/2023 vì do hệ thống cấp mã số quan hệ ngân sách đang bảo trì nên không trả kết quả đúng quy định).

- H33.4-230420-0003\_Thủ tục đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách\_ ngày tiếp nhận 20/04/2023 09:42:28/ngày hẹn trả kết quả 24/04/2023 9:42:00/ngày kết thúc xử lý 24/04/2023 15:38:07 (Phiếu xin lỗi số 01/PXL-STC ngày 24/04/2023 vì do hệ thống cấp mã số quan hệ ngân sách đang bảo trì nên không trả kết quả đúng quy định).

- H33.4-230601-0001\_Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê\_ ngày tiếp nhận 01/6/2023 07:31:02/ ngày hẹn trả kết quả 13/7/2023: 07:31:00/ ngày kết thúc xử lý 13/07/2023 15:41:19 (tên thủ tục hành chính này đã bãi bỏ theo Quyết định 2206/QĐ-UBND ngày 5/9/2023 công bố mới 01 TTHC và bãi bỏ 17 TTHC);

- H33.4-230913-0001\_ Quyết định thanh lý tài sản công\_ ngày tiếp nhận 13/09/2023 07:21:27/ngày hẹn trả kết quả 25/10/2023 07:21:00/ngày kết thúc xử lý 25/10/2023 08:49:03 (tên thủ tục hành chính này đã bãi bỏ theo Quyết định 2206/QĐ-UBND ngày 5/9/2023 công bố mới 01 TTHC và bãi bỏ 17 TTHC);

Ngoài ra, danh mục tài liệu HTQLCL cần ghi chú số lần ban hành, sửa đổi tài liệu các hồ sơ giải quyết TTHC theo quy trình ISO đã ban hành, quy trình nội bộ giải quyết TTHC được UBND tỉnh công bố thì có một số điểm cần lưu ý về tiến trình xử lý trên Cổng dịch vụ công như sau:

+ Hồ sơ Mua hóa đơn lẻ của Phòng Cảnh sát môi trường thuộc Công an tỉnh Kiên Giang (H33.4-230720-0001): Không có bước chuyển xử lý đến Lãnh đạo Sở.

+ Hồ sơ Quyết định thanh lý tài sản công cho Bệnh viện Ung bướu (H33.4-230213-0002): Bị lặp lại 2 lần bước chuyên của Chuyên viên và Lãnh đạo phòng.

+ Hồ sơ Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê của Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên (H33.4-230420-0001) và cho Trung tâm Y tế Tân Hiệp (H33.4-230406-0001): Hệ thống chưa cấu hình được bước xử lý của Phòng TCHCSN.

+ Hồ sơ Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công cho Cục quản lý thị trường tỉnh (H33.4-230215-0001): Bị lặp lại 2 lần bước chuyên của Chuyên viên và Lãnh đạo phòng; bước xử lý của Lãnh đạo sở không phù hợp (đã ký kết quả giải quyết TTHC nhưng chuyển ngược về bước chuyên viên xử lý).

Đối với lĩnh vực tài chính công: Một số đơn vị chưa nghiêm túc thực hiện kết luận sau thanh tra, kiểm toán và chưa thực hiện dứt điểm các kiến nghị thanh tra, kiểm toán; công tác phối hợp triển khai phương án tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và việc thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý theo NĐ 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ còn chậm so với yêu cầu đề ra.

#### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM**

Thường xuyên chỉ đạo công tác CCHC hàng, quý để rà soát, xử lý các vướng mắc, khó khăn và tập trung trung giải quyết TTHC. Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các Phụ lục của Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 20/9/2021; Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 24/8/2023, Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 23/02/2022, Kế hoạch số 272/KH-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh và các nhiệm vụ CCHC của Sở theo kế hoạch số 07/KH-STC ngày 18/01/2023.

Tiếp tục đôn đốc, hướng dẫn và đề xuất biện pháp xử lý đối với các đơn vị chưa thực hiện Kết luận của Thanh tra, Kiểm toán Nhà nước.

Tiếp tục thực hiện quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý theo NĐ 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ.

Tiếp tục đôn đốc các đơn vị sự nghiệp triển khai phương án tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và thẩm định, có ý kiến đối với phương án tự chủ tài chính do các đơn vị gửi thẩm định.

Tham mưu xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực của ngành; tăng cường công tác kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời đề xuất xây dựng mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ.

Thường xuyên rà soát, đánh giá các TTHC thuộc lĩnh vực ngành quản lý để chủ động tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành Quyết định công bố danh

mục TTHC; công khai đầy đủ các quy định về TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, thực hiện và giám sát.

Duy trì công tác tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC qua Trung tâm Phục vụ hành chính công, trang dịch vụ công trực tuyến của tỉnh và Bộ Tài chính; hạn chế tối đa hồ sơ giải quyết trễ hẹn.

Tăng cường sử dụng thư điện tử công vụ trong quá trình trao đổi, giải quyết công việc; tích cực nâng cao tỷ lệ văn bản đi sử dụng chữ ký số; thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin về công tác cải cách hành chính lên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính.

Trên đây là báo cáo công tác cải cách hành chính năm 2023 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ;
- BGĐ sở;
- LĐVP;
- Lưu: VT; VP, qvphung.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Quốc Khởi**

**Phụ lục 1**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**Năm 2023**

*(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2023 của Sở Tài chính)*

**Biểu mẫu 1**

**Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b> <i>(kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	28	
2.	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b> <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	96,97	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	33	Số 07/KH-STC ngày 18/01/2023
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	32	
3.	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1	Số sở, ban, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	01	
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	66,67%	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	8	Tính đến 14/12/2023
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	12	
4.	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy</b> <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			Không thuộc thẩm quyền của Sở



4.1	Số cơ quan, đơn vị, địa phương được thanh tra	%		
4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, địa phương đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%		
<b>5.</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>			Bao gồm nhiệm vụ của Bộ, ngành giao
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	274	
5.2	Tổng số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	187	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	6	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
<b>6.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1 Không = 0	0	Do hồ sơ tiếp nhận và trả kết quả giải quyết 100% theo hình thức trực tuyến trên DVC.
6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
<b>7.</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	0	

**Phụ lục 1**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**Năm 2023**

*(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2023 của Sở Tài chính)*

**Biểu mẫu 2**  
**Cải cách thể chế**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1</b>	<b>Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành</b>			
1.1	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	07	Nghị quyết 03/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023; Nghị quyết 05/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023; Nghị quyết 06/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023; Nghị quyết 07/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023; Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 bãi bỏ khoản 4 Điều 2 Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh; Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/3/2023;

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 24/5/2023
1.2	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản		
1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
<b>2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	13	06 VB QPPL được ban hành trong năm 2022 07 VB QPPL được ban hành trong 9 tháng đầu năm 2023
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	02	Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 bãi bỏ khoản 4 Điều 2 Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh; Quyết định 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
<b>3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>		0	
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền cấp tỉnh	Văn bản	09	06 VB QPPL được ban hành trong năm 2022 03 VB QPPL được ban hành trong 6

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
				tháng đầu năm 2023
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2	Tổng số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

**Phụ lục 1**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**Năm 2023**

*(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2023 của Sở Tài chính)*

**Biểu mẫu 3**

**Cải cách thủ tục hành chính**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	11	
1.4.1	Số TTHC cấp tỉnh (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	11	
1.4.2	Số TTHC cấp huyện (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
1.4.3	Số TTHC cấp xã (bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục		
<b>2.</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	0	
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	4	Liên thông với UBND tỉnh
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc	Thủ tục	11	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	vào địa giới hành chính			
<b>3.</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ban, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,52%	
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1.033	
3.1.2	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	1.032	Bao gồm 5 hồ sơ quá hạn
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND các huyện, thành phố tiếp nhận được giải quyết đúng hạn			
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong			
3.2.2	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn			
3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn			
3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong			
3.3.2	Số hồ sơ TTHC đã giải quyết đúng hạn			
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	Không có PAKN
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

**Phụ lục 1**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**Năm 2023**

*(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2023 của Sở Tài chính)*

**Biểu mẫu 4**

**Cải cách tổ chức bộ máy**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1	Tỷ lệ sở, ban, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2	Tỷ lệ UBND các huyện, thành phố đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	Cơ quan, đơn vị		
1.3	Số ban quản lý trực thuộc UBND tỉnh			
1.4	Số lượng tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập			
1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) trên địa bàn tỉnh		0	Không có ĐVSNCL
1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh			
1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương		0	
1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND các huyện, thành phố			
1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015			
<b>2</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	70	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	66	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan, tổ chức hành chính	Người	04	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	87,5%	Số biên chế được giao năm 2015 là 82 biên chế, tỷ lệ tinh giản biên chế 7/8 người
<b>3.</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			Không có ĐVSNCL
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	0	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	0	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	

**Phụ lục 1**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**Năm 2023**

*(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2023 của Sở Tài chính)*

**Biểu mẫu 5**

**Cải cách chế độ công vụ**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>1.</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	Không có ĐVSN
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
<b>2.</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	03	Điều động từ cơ quan khác
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	Không có viên chức
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	
4.	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>		0	
4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2	Số lãnh đạo sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ban, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSNCL bị kỷ luật.	Người	0	

**Phụ lục 1**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**Năm 2023**

*(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2023 của Sở Tài chính)*

**Biểu mẫu 6**

**Cải cách tài chính công**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (UBND cấp huyện)	Số liệu (Cấp tỉnh)	
<b>1.</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%		<b>65,33%</b>	
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		6.685.471	KH HĐND giao
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng		4.367.708	Tính đến 08/12/2023
<b>2.</b>	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>				
2.1	Tổng số ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị	<b>664</b>	<b>130</b>	<b>794</b>
2.2	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	<b>9</b>	<b>0</b>	<b>9</b>
2.3	Số ĐVSNCL tự bảo đảm chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	<b>28</b>	<b>19</b>	<b>47</b>
2.4	Số ĐVSNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	<b>60</b>	<b>58</b>	<b>118</b>

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (UBND cấp huyện)	Số liệu (Cấp tỉnh)	
2.4.1	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	5	3	8
2.4.2	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	7	17	24
2.4.3	Số ĐVSNCL tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	48	38	86
2.5	Số ĐVSNCL do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	<b>567</b>	<b>53</b>	<b>620</b>
2.6	Số ĐVSNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	Cơ quan, đơn vị	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**Phụ lục 1**  
**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

**Năm 2023**

*(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2023 của Sở Tài chính)*

**Biểu mẫu 7**

**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu <i>(Số, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)</i>	Số liệu <i>(cấp tỉnh)</i>	
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành= 1			Không thuộc thẩm quyền báo cáo của Sở
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2			
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%			
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2			

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu <i>(Sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)</i>	Số liệu <i>(cấp tỉnh)</i>	
<b>5.</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>				
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã				
5.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100		
5.1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh				
5.1.3	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.				
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử trên địa bàn tỉnh <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)</i>	%			
5.2.1	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành	%	100		Tổng số VB đến: 16.325 - Tổng số VB đến được luân chuyển, xử lý trên môi trường mạng: 16.325 - Tổng số VB đi (trừ VB mật): 4.904

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu (Sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)	Số liệu (cấp tỉnh)	
					- Tổng số VB đi được gửi dưới dạng điện tử: 4.904
5.2.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND các huyện, thành phố				
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã				
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh				
5.3.1	Tỷ lệ sở, ban, ngành đã kết nối liên thông với hệ thống	%			
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống				
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống				
<b>6.</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>				
6.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	0		0/11 TTHC
6.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	0		
6.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	0		



STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu <i>(Sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)</i>	Số liệu <i>(cấp tỉnh)</i>	
6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0		
6.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	%	100%		11/11 TTHC
6.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	11		
6.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình	Thủ tục	11		
6.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	4		
6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình đã tích hợp, công khai trên cổng DVC quốc gia	%	100		
6.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình trên địa bàn tỉnh	Thủ tục	11		
6.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến toàn trình đã tích hợp, công khai trên cổng DVC quốc gia	Thủ tục	11		
6.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến một phần và toàn phần <i>(chỉ thống kê đối với các TTHC toàn trình có phát sinh hồ sơ)</i>	%	36,36		4/11 TTHC có phát sinh hồ sơ

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê			Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu <i>(Sở, ban ngành tỉnh và UBND cấp huyện)</i>	Số liệu <i>(cấp tỉnh)</i>	
6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	1.033		Tồn trước: 0 hồ sơ Phát sinh trong kỳ báo cáo: 1.032 hồ sơ
6.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	1.033		
6.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	0		
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí...)	Thủ tục	0		
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	0		

## Phụ lục 2

### CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC ĐÃ BAN HÀNH

(Kèm theo báo cáo số /BC-STC ngày /12/2023 của Sở Tài chính)

STT	Số văn bản	Ngày, tháng	Nội dung
1	07/KH-STC	18/01/2023	Cải cách hành chính năm 2023
2	09/KH-STC	01/02/2023	Kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2023 của Sở Tài chính Kiên Giang
3	10/KH-STC	01/02/2023	Thông tin, tuyên truyền về kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2023 của Sở Tài chính Kiên Giang
4	18/KH-STC	06/02/2023	Thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng tiêu cực năm 2023
5	20/KH-STC	14/02/2023	Theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2023
6	27/KH-STC	20/02/2023	Kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện văn hóa công vụ, công sở và chuyển đổi vị trí công tác năm 2023
7	29/KH-STC	22/02/2023	Kiểm tra Công tác cải cách hành chính năm 2023
8	30/KH-STC	20/02/2023	Kiểm tra nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2023 của Sở Tài chính Kiên Giang
9	31/KH-STC	06/3/2023	Duy trì hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2023
10	467/STC-QLGCS	06/3/2023	V/v tiếp tục khẩn trương thực hiện công tác sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh

11	34/KH-STC	10/3/2023	Thực hiện chuyển đổi số năm 2023
12	42a/KH-STC	15/3/2023	Chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức của Sở Tài chính năm 2023
13	42/KH-STC	21/3/2023	Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền và cải cách hành chính năm 2023
14	709/STC-TTr	07/4/2023	Về việc rà soát nội dung chưa thực hiện kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước từ năm 2021 trở về trước
15	47/KH-STC	10/4/2023	Tự kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản QPPL năm 2023
16	1291/STC-TTr	06/6/2023	Về việc trình ký kế hoạch thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước và Thanh tra Bộ Tài chính
17	1702/STC-QLGCS	26/7/2023	V/v tiếp tục khẩn trương thực hiện công tác sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh (nhắc nhở thực hiện Công văn số 467/STC-QLGCS).
18	130/STC-VP	13/01/2023	Về việc đăng ký rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023
19	176/TTr-STC	11/7/2023	Dự thảo Quyết định bãi bỏ khoản 4 Điều 2 Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh ban hành bảng tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và đã có Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 31/8/2023
20	392/STC-QLNS	22/02/2023	Về việc báo cáo định kỳ tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP hằng quý, năm theo quy định
21	64/KH-TCD	26/5/2023	Hoạt động của Tổ Chỉ đạo Chuyển đổi số năm 2023
22	75/KH-STC	13/6/2023	Triển khai công tác số hóa tài liệu đưa vào phạm mềm lưu trữ

23	1985/STC-QLN	29/8/2023	Về việc thực hiện công khai dự toán, quyết toán NSNN hàng năm
24	122/KH-STC	11/10/2023	V/v thực hiện số hóa tài liệu của dự án trang bị phần mềm quản lý lưu trữ và số hóa dữ liệu Sở Tài chính
25	127/KH-STC	01/11/2023	Kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng năm 2023
26	2891/STC-VP	28/11/2023	Triển khai Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ; Hướng dẫn thực hiện về công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức năm 2023
27	82/QĐ-STC	04/4/2023	V/v kiện toàn Tổ Chỉ đạo chuyển đổi số của Sở Tài chính
28	81/QĐ-STC	04/4/2023	V/v kiện toàn Tổ chỉ đạo cải cách hành chính Sở Tài chính

### Phụ lục 3

## TIỀN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI CÁC PHỤ LỤC KẾ HOẠCH 272/KH-UBND NGÀY 23/12/2022 CỦA UBND TỈNH

(Kèm theo báo cáo số \_\_\_\_\_/BC-STC ngày \_\_\_\_/12/2023 của Sở Tài chính)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Kết quả
1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ	<b>Sở Tài chính đã hoàn thành</b> và đã có Báo cáo 391/BC-STC ngày 30/12/2022 kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013
2	Thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023- 2026	- <b>Sở Tài chính đã hoàn thành</b> và đã tổng hợp các Quyết định Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2026; Công Văn số 392/STC-QLNS ngày 22/02/2023 của Sở Tài chính về việc báo cáo định kỳ tình hình thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP hằng quý, năm theo quy định; Công văn số 87/STC-TCHCSN ngày 13/01/2022 của Sở Tài chính về việc dự thảo văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.
3	- Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực phạm vi quản lý. - Ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế, kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	- <b>Sở Tài chính đã hoàn thành</b> và tham mưu Ủy ban nhân tỉnh tại Công văn số 611-STC-HCSN ngày 31/03/2022 tham mưu UBND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ công và văn bản khác có liên quan như Công văn 87; công văn 392; Nghị quyết 84-NQ-HDND tỉnh về ban hành danh mục dịch vụ công (Giao dục đào tạo) và những năm tiếp theo

	<p>theo quy định của pháp luật về giá và quy định của pháp luật.</p> <p>- Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý (thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</p>	
<p>4</p>	<p>Tăng cường quán triệt công tác công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo Thông tư số 61/2017/TTBTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC; công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC</p>	<p><b>Sở Tài chính đã hoàn thành</b> và ban hành các công văn về tăng cường quán triệt công tác công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo Thông tư số 61/2017/TTBTC và Thông tư số 90/2018/TT-BTC; Công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC: Công văn số 1985/STC-QLN ngày 29/8/2023 của Sở Tài chính về việc thực hiện công khai dự toán, quyết toán NSNN hàng năm; Công văn số 2328/STC-QLNS ngày 03/11/2022 về việc báo cáo tình hình thực hiện CKNS theo quy định Luật NSNN năm 2015 (bắt đầu từ năm 2022 đề nghị huyện, thành phố thực hiện Báo cáo về Sở Tài chính trước ngày 31/3 hằng năm phụ lục kèm theo); Công văn số 1597/STC-QLNS ngày 04/8/2022 về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định Luật NSNN năm 2015; Công văn số 755/STC-QLNS ngày 12/6/2018 về việc nhắc nhở thực hiện CKNS theo quy định Luật NSNN năm 2015 và công văn tác tự kiểm tra theo Quyết định 67/2004/QĐ-BTC, tiếp tục thực hiện. Tuy nhiên, Sở Tài chính không trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này, chỉ phối hợp với các Sở, Ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, xã</p>